|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD – ĐT QUẢNG NAM**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **NGUYỄN BỈNH KHIÊM**  ***ĐỀ ĐỀ NGHỊ*** | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI**  **CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **NĂM 2023**  **MÔN: LỊCH SỬ 11**  *Thời gian: 180 phút (không kể thời gian giao đề)*  *(Đề thi gồm: 07 câu, 01 trang)* |

**Câu 1 (3,0đ):** Tại sao những năm 90 của TK XX, ASEAN lại nhấn mạnh sự cần thiết về hợp tác kinh tế - thương mại. Trên thực tiễn ASEAN đã có những biện pháp gì để triển khai hợp tác về mặt kinh tế?

**Câu 2 (2,5đ):** Nguyên nhân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa ở Việt Nam từ 1919-1929. Làm sáng tỏ tính chất thuộc địa nửa phong kiến trong nền kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam từ khi pháp hoàn thành xâm lược đến năm 1945.

**Câu 3 (3,0đ):**Tổ chức nào là chính đảng của giai cấp tư sản Việt Nam? Những hiểu biết của em về tổ chức này. Lý giải vì sao giai cấp tư sản Việt Nam không nắm được quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

**Câu 4 (3,0đ):** Anh/chị hãy làm sáng tỏ sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng (7/1920 – 1930).

**Câu 5 (3,0đ):** Phát biểu suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và mang tính chất của một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

**Câu 6 (3,0đ):** Hãy làm sáng tỏ sự chủ động của Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc giải quyết mối quan hệ với Pháp từ 2/9/1945 – 19/12/1946. Tinh thần chủ động ấy nên được tiếp tục kế thừa và phát huy như thế nào trong tình hình hiện nay?

**Câu 7 (2,5đ**): Tại sao nói: Toàn cầu hóa là xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược. Những thời cơ, thách thức của Việt Nam trong xu thế này?

……….………. HẾT………………

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD – ĐT QUẢNG NAM**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **NGUYỄN BỈNH KHIÊM**  ***HDC*** | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI**  **CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **NĂM 2023**  **MÔN: LỊCH SỬ 11**  Thời gian: 180 phút (không kể thời gian giao đề)  (HDC gồm: 07 câu, 09 trang) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội Dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Tại sao những năm 90 của TK XX, ASEAN lại nhấn mạnh sự cần thiết về hợp tác kinh tế - thương mại. Trên thực tiễn ASEAN đã có những biện pháp gì để triển khai hợp tác về mặt kinh tế?** | **(3.0)** |
| **a, Tại sao** | Từ những năm 90 của TK XX, bên cạnh việc ASEAN vẫn tiếp tục đẩy mạnh sự hợp tác an ninh - chính trị thì do nhiều yếu tố tác động của nguyên nhân chủ quan và khách quan ASEAN chuyển trọng tâm hợp tác kinh tế - thương mại: | (0,25) |
| Do tác động của xu thế toàn cầu hóa.... | (0,25) |
| Do tác động của xu thế phát triển của các quốc gia đều lấy kinh tế làm trọng tâm.... | (0,25) |
| Do tác động của sự thay đổi trong quan hệ quốc tế chuyển từ đối đầu căng thẳng sang hợp tác, đối thoại.... | (0,25) |
| Do tác động của một xu thế trong việc hình thành trật tự thế giới mới theo hướng đa cực, nhiều trung tâm.... | (0,25) |
| Tác động của vấn đề Campuchia được giải quyết là cơ hội cho ASEAN thực hiện triển vọng mở rộng thành viên.... | (0,25) |
| Do ASEAN cần phải thực hiện mục tiêu chiến lược của mình đã đề ra từ năm 1967.... | (0,25) |
| Do nhu cầu, nhận thức của nội khối khác, các nước ASEAN cần phải có sự điều chỉnh trong chính sách phát triển để phù hợp với xu thế thế giới.... | (0,25) |
| **b,**  **Biện pháp**: | Mở rộng thành viên: ASEAN 5 – ASEAN 10 là nền tảng cơ sở đẻ mở rộng hợp tác kinh tế, đối ngoại. 1999 sau khi Campuchia trở thành thành viên thứ 10… 10 nước ĐNA đã tham gia vào tổ chức... | (0,25 |
| -ASEAN từng bước thiết lập quan hệ hợp tác với hầu hết các trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới:.  +ASEAN +1, ASEAN +3, ASEAN với Mỹ, ASEAN với EU, ASEAN với Ấn Độ, ASEAN với Liên Bang Nga  +Thông qua việc thiết lập quan hệ hợp tác với các trung tâm kinh tế - tài chính, lợi ích ASEAN có được không chỉ dừng lại ở việc hợp tác kinh tế hàng hoá mà ASEAN thu hút được nguồn vốn đầu tư, chuyển giao khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý,... | (0,25 |
| -Tham gia hiệu quả tích cực vào các diễn đàn hợp tác khu vực cũng như thế giới, tham gia các mối quan hệ đa phương trong các diễn đàn này.  +Diễn đàn hợp tác kinh tế Á – Âu năm 1997, cần thông thương Âu - Á: khôi phục lại con đường tơ lụa; sự lớn lên mạnh mẽ của Mỹ,...  +Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – TBD có sự tham gia của tất cả các nền kinh tế lớn của thế giới cũng như có nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới -> diễn đàn hợp tác hấp dẫn nhất của thế giới: Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan,.. | (0,25 |
| -Nội khối của các nước ASEAN cũng đề ra nhiều biện pháp nhằm trao đổi kinh tế - thương mại với nhau:  +AFTA (1992)  +Thiết lập các hành lang, mạch máu kinh tế giữa các quốc gia và các vùng kinh tế: tiểu vùng sông Mêkong,...  +Thành lập cộng đồng ASEAN với 3 cộng đồng trụ cột: cộng đồng kinh tế, cộng đồng văn hóa xã hội, cộng đồng an ninh chính trị. Trong đó cộng đồng kinh tế với 10 nước đã xóa bỏ hàng rào thuế quan giữa các nước, thúc đẩy cơ chế sản xuất, trao đổi giữa các nước thành viên. | (0,25 |
| **Câu 2** | **Nguyên nhân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa ở Việt Nam từ 1919-1929. Làm**  **sáng tỏ tính chất thuộc địa nửa phong kiến trong nền kinh tế chính trị xã hội Việt Nam từ khi pháp hoàn thành xâm lược đến năm 1945.** | **(2.5)** |
| **A,**  **Nguyên nhân** | Do Pháp phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách lớn về kinh tế  + Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp tuy là nước thắng trận nhưng tổn thất nặng nề hơn 1,4 triệu người chết, thiệt hại về vật chất hơn 200 tỉ phrăng, sx công nghiệp, nông nghiệp và hoạt động thương nghiệp nghiêm trọng, nước Pháp còn phải đối mặt với khoảng nợ vay khổng lồ, chủ yếu là của Mĩ năm 1920 lên đến 300 tỉ….. Vì vậy mà chúng đẩy mạnh khai thác thuộc địa để bù đắp. | (0,25) |
| + Sau chiến tranh việc can thiệp vũ trang để chống lại chính quyền Xô viết đã mất thêm một khoản tiền lớn. Số vàng dự trữ trong nước của Pháp từng ngân hàng Pari chuyển sang ngân hàng khác của Mĩ, Anh. Đồng Phrăng bị mất giá nghiêm trọng. Trong khi đó khủng hoảng thiếu ở các nước tư bản trong đó có Pháp cũng gây thêm khó khăn cho kinh tế Pháp.. | (0,25) |
| + Bản thân các nước Đông Dương nói chung và VN nói riêng là nơi có thể thỏa mãn tham vọng cướp bóc, bù lỗ để giải quyết khó khăn cho nền kinh tế Pháp... | (0,25) |
| =>Như vậy xuất phát từ nhu cầu giải quyết khó khăn về kinh tế, khôi phục và phát triển lại địa vị của mình trong thế giới tư bản và Pháp đã nhận ra Đông Dương là thuộc địa quan trọng, phát triển nhất, giàu có nhất. Vì vậy chính phủ Pháp phê chuẩn chương trình khai thác thuộc địa lần 2 vì quyền lợi của chúng. | (0,25) |
| **b**,  **Tính chất** | Sau khi hoàn thành xâm lược 1884 đến 1945, VN bị sự nô dịch của thực dân Pháp, tính chất thuộc địa nửa phong kiến được biểu hiện trong lĩnh vực KT, CT, XH như sau.  + Kinh tế: Trong chương trình khai thác thuộc địa, quan hệ sản xuất TBCN được xâm nhập vào bao trùm lên quan hệ SXPK và VN đã trở thành nước nửa thuộc địa nửa PK…  +Nền kinh tế VN vẫn trong tình trạng nền kinh tế lạc hậu nghèo nàn, phát triển què quặt, phụ thuộc vào chính quốc. Đó là nền kt của một nước thuộc địa. | (0,25) |
| => Như vậy Pháp vẫn duy trì phương thức sản xuất phong kiến kết hợp với việc thiết lập một cách hạn chế phương thức sản xuất tư bản điều này tạo nên nền kinh tế thuộc địa nữa phong kiến ở VN.. | (0,25) |
| + Chính trị : Thời kì phong kiến bộ máy nhà nước do giai cấp địa chủ pk nắm giữ. Khi Pháp cai trị thì quyền lực nhà nước chuyển sang tư bản Pháp, họ trực tiếp nắm toàn bộ máy nhà nước, quân sự, hành chính tư pháp, mọi quyền hành đều nằm trong tay cai trị của Pháp. Các quan lại viên chức thuộc địa chỉ là tay sai, là gánh nặng cho nhân dân lao động VN.. | (0,25) |
| -Bên cạnh đó chính quyền Pháp đã dùng chính sách dùng người bản xứ trị người bản xứ tạo nên một chỗ dựa cho hệ thống cai trị của Pháp. Họ biến bộ máy cai trị phong kiến thành bộ máy tay sai giúp Pháp đàn áp nhân dân. Rõ ràng tính thuộc địa ở đây là thống trị trực tiếp của Pháp cấu kết với phong kiến tay sai.. | (0,25) |
| + Xã hội: Cuộc khai thác của tư bản Pháp lần 2 dẫn đến sự phân hóa giai cấp rõ rệt trong xã hội Việt Nam. Bên cạnh những giai cấp cũ như địa chủ, nông dân thì còn có các giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất mới như tư sản, công nhân, tiểu tư sản.  Các giai cấp đều bị thực dân, phong kiến o ép, bóc lột kìm hãm, trừ tư sản mại bản và một bộ phận địa chủ tay sai => mâu thuẫn dân tộc ta với thực dân Pháp và pk tay sai gay gắt. Đó là biểu hiện tính chất thuộc địa nữa phong kiến trên bình diện xh.. | (0,25) |
| Như vậy từ tính chất thuộc địa nữa phong kiến phân tích ở trên nên từ khi Đảng ra đời NAQ phân tích đúng đắn tính chất của nước ta đề ra 2 nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến có mối liên hệ mật thiết với nhau. Nhiệm vụ chống đế quốc đặt lên hàng đầu. | (0,25) |
| **Câu 3** | **Tổ chức nào là chính đảng của giai cấp tư sản Việt Nam? Những hiểu biết của em về tổ chức này. Lý giải vì sao giai cấp tư sản Việt Nam không nắm được quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam?** | **(3,0)** |
| **a, Tổ chức** | Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là chính đảng của giai cấp tư sản Việt Nam.. | (0,25) |
| **b, Hiểu biết** | - Ngày 25/12/1927 Việt Nam quốc dân đảng ra đời. Từ cơ sở hạt nhân là nhà xuất bản Nam Đồng thư xã. Người đứng đầu tổ chức là Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính… Đây là tổ chức cách mạng theo xu hướng tư sản. | (0,25) |
| - Tôn chỉ mục đích: Lúc đầu khi mới thành lập chưa có tôn chỉ, mục đích rõ ràng mà chỉ nêu ra một cách chung chung “trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng”… | (0,25) |
| - Thành phần của tổ chức rất phức tạp: học sinh, sinh viên, tư sản dân tộc, địa chủ, phú nông, binh lính, sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp… do đó không tạo được cơ sở trong quá trình hoạt động. | (0,25) |
| - Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương sử dụng phương thức hoạt động thiên về quân sự, nặng về ám sát cá nhân.. | (0,25) |
| - Tháng 2/1929, tại Hà Nội xảy ra vụ ám sát tên trùm mộ phu Badanh, viên vào cớ này Pháp tiến hành “khủng bố trắng” khốc liệt, Việt Nam Quốc dân Đảng bị tổn thất nặng nề… Những yếu nhân còn lại của đảng đã quyết định dốc hết lực lượng thực hiện cuộc bạo động cuối cùng với tinh thần “không thành công cũng thành nhân”.. | (0,25) |
| - Tháng 2/1930 khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái sau đó lan nhanh ra Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình… Ở Hà Nội cũng có ném bom phối hợp. Tuy nhiên bị Pháp đàn áp, phản công, cuộc khởi nghĩa thất bại.. | (0,25) |
| - Sự thất bại của Việt Nam Quốc dân Đảng và khởi nghĩa Yên Bái đã phản ánh tính chất non yếu của phong trào dân tộc dân chủ theo xu hướng dân chủ tư sản ở nước ta, chấm dứt vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân Đảng và xu hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam.. | (0,25) |
| **c,Tư sản Việt Nam không nắm được quyền lãnh đạo cách mạng VN** | - Giai cấp tư sản Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị nên không đủ sức giữ vững ngọn cờ lãnh đạo cách mạng. | (0,25) |
| - Ngọn cờ tư tưởng tư sản đối với người Việt Nam còn rất mới mẻ, nhưng đối với thế giới thì nó đã trở nên lỗi thời, phản động, đồng thời không đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử Việt Nam đặt ra. | (0,25) |
| - Giai cấp tư sản Việt Nam còn thiếu một đường lối chính trị đúng đắn và một phương pháp cách mạng khoa học. | (0,25) |
| - Lúc này Pháp còn mạnh, đang củng cố được nền thống trị ở Đông Dương do đó Pháp có đủ sức đàn áp cuộc khởi nghĩa chưa được chuẩn bị kĩ. | (0,25) |
| **Câu 4** | **Anh chị hãy làm sáng tỏ sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng (7/1920 – 1930).** | **(3,0)** |
|  | - 7/1920 sau khi NAQ đọc bản luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê – nin, với sự kiện này NAQ đã chính thức khẳng định được con đường giải phóng cho dân tộc VN là đi theo chủ nghĩa Mác Lê – nin, đi theo ánh sáng CMT10, theo khuynh hướng CMVS…Qua quá trình hoạt động đã thể hiện rõ sự sáng tạo của NAQ trong quá trình thành lập ĐCS ở VN. |  |
| -NAQ có sự sáng tạo trong việc vận dụng CN Mác- Lênin vào thực tiễn VN để sáng tạo ra lý luận giải phóng dân tộc:  + CN Mác - Lênin là tư tưởng ra đời nhằm trang bị cho giai cấp công nhân....  + Chính vì thế lý luận CN Mác- Lê nin là một lý luận mang tính giai cấp được vận dụng ở một nước thuộc địa để thực hiện nhiệm vụ gpdt thì NAQ đã sáng tạo ra lý luận gpdt. Lý luận gpdt này đi theo đúng nguyên lí CN Mác- Lênin, trang bị cho giai cấp công nhân để lãnh đạo nhân dân VN đấu tranh gpdt, nó đã đáp ứng đúng yêu cầu của nhân dân VN trong bối cảnh đất nước bị khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo. | (0.5) |
| -NAQ có sự sáng tạo trong việc xác định những cách thức để truyền bá lý luận vào thực tiễn VN:  +Truyền bá lý luận về VN một cách gián tiếp thông qua sách báo tài liệu. Thực tế, những bài viết bài báo của người đăng trên tạp chí của Pháp, Liên Xô: báo Nhân đạo,....; các bài tham luận ở các hội nghị..... đều được gián tiếp truyền bá về VN.  +Truyền bá một cách trực tiếp thông qua con người. NAQ đã chỉ đạo HVNCMTN thực hiện phong trào vô sản hóa những năm 1928 - 1929 ở VN.  Dù bằng trực tiếp hay gián tiếp thì đều hướng đến một mục tiêu truyền bá lý luận gpdt vào thực tiễn phong trào VN (bao gồm cả phong trào công nhân và phong trào yêu nước). | (0,5) |
| -NAQ có sự sáng tạo trong việc xác định đối tượng truyền bá lý luận gpdt:  + Đối tượng số một để Người truyền bá lý luận về lại là tầng lớp tiểu tư sản trí thức, không những trở thành một đối tượng mà NAQ truyền bá, mà còn là một phương thức, công cụ để truyền bá tư tưởng của mình vào giai cấp công nhân.  + NAQ đã xác định đối tượng số hai là giai cấp công nhân VN -> đã tác động đến các yếu tố cấu thành nên ĐCSVN sau này. | (0,5) |
| -NAQ có sự sáng tạo trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ, tổ chức cho sự ra đời của ĐCSVN sau này.  +Sau khi về Quảng Châu (TQ), NAQ đã tiếp cận với các thanh niên trí thức VN, đào tạo bồi dưỡng họ. Sau khi thành lập hội VNCMTN, NAQ tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng, đào tạo các bộ cho thanh niên VN.  +Tại các lớp bồi dưỡng NAQ tìm hiểu về các cuộc cách mạng xã hội tiến bộ trên thế giới (Anh, Pháp, Mỹ, Nga,...). Những bài giảng đó sau được tập hợp trong cuốn Đường Kách Mệnh. Sau khi đào tạo tại các lớp đó NAQ đã chọn một số hội viên ưu tú đưa đi học tiếp trình độ cao hơn ở TQ, Liên Xô. Còn lại, đại đa số phần lớn thì đưa về VN tham gia vào phong trào vô sản hóa.  + 1925 – 1929 dưới sự chỉ đạo của NAQ, HVNCMTN đặc biệt quan tâm và nhấn mạnh đến việc xây dựng cơ sở của mình ở trong nước kể cả xây dựng cơ sở ở nước ngoài. Qua việc xây dựng cơ sở trên diện rộng đã có tác dụng quan trọng trong việc truyền bá tư tưởng vào thực tiễn của phong trào yêu nước VN. Việc quan tâm xây dựng cơ sở quần chúng của HVNCMTN cũng có tác dụng quan trọng trong việc định hướng lựa chọn khuynh hướng vô sản của nhân dân. | (0,75) |
| NAQ có sự sáng tạo trong việc tổ chức cho phong trào công nhân VN đấu tranh.  + Trong những năm 1928 – 1929, HNVNCMTN đã thực hiện phong trào vô sản hóa. Qua phong trào, giai cấp công nhân VN đấu tranh ngày càng tự giác, có sự đoàn kết liên kết giữa các nhà máy, xí nghiệp; giai cấp công nhân ngày càng xác định được sứ mệnh của mình trong sự nghiệp gpdt. Đây là nhân tố quan trong thúc đẩy sự thành lập ĐCSVN. | (0,25) |
| -Sáng tạo trong việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam:  +Người không chủ trương thành lập một Đảng mang tính khu vực ở Đông Dương mà chủ trương thành lập một Đảng cộng sản Việt Nam, đây là điểm khác biệt so với quan điểm của Quốc tế cộng sản. Điều này chứng tỏ ngay từ đầu Nguyễn Ái Quốc đã giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương.  +Nguyễn Ái Quốc đã soạn thảo và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng chứa đựng những luận điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc: đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc và coi lực lượng cách mạng bao gồm tất cả các giai cấp trong xã hội=> nhờ đó ngay sau khi ra đời Đảng đã quy tụ lực lượng sức mạnh dân tộc nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam. | (0,5) |
| **Câu 5** | **Phát biểu suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và mang tính chất của một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.** | **(3,0)** |
|  | Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và mang tính chất của một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, là một nhận định đúng, phản ánh đúng hiện thực lịch sử. Có thể khẳng định như vậy là vì: | (0,25) |
|  | - Cách mạng tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình vì:  + Nhiệm vụ: đặt giải phóng dân tộc lên hàng đầu và coi đó là nhiệm vụ bức thiết nhất, nhằm đánh đuổi kẻ thù của dân tộc là đế quốc xâm lược và tay sai, giải quyết mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược. | (0,5) |
| + Lực lượng: toàn dân tộc, đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Việt Minh với các hội quần chúng mang tên “cứu quốc”. | (0,25) |
| + Hình thức giành chính quyền: quần chúng nhân dân nổi dậy giành chính quyền từ thành thị đến nông thôn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Sức mạnh áp đảo của toàn dân tộc đã đưa cách mạng đến thắng lợi. | (0,25) |
| + Thành quả: giành lại độc lập dân tộc và lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nhà nước của nhân dân. | (0,25) |
|  | - Cách mạng tháng Tám còn là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới:  + Nhiệm vụ: ngoài mục tiêu lật đổ sự thống trị của chủ nghĩa thực dân thì còn lật đổ chế độ phong kiến. Điều đó chứng tỏ Cách mạng tháng Tám đã làm nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản. | (0,5) |
| + Lãnh đạo: là giai cấp vô sản thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Đông Dương. | (0,25) |
| + Động lực cách mạng: toàn dân tộc, đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Việt Minh với các hội quần chúng mang tên “cứu quốc”. Quần chúng nhân dân nổi dậy giành chính quyền từ thành thị đến nông thôn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, từ khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa. Vì thế, Cách mạng tháng Tám diễn ra nhanh, gọn và ít đổ máu…. | (0,25) |
| + Kết quả: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là một nhà nước kiểu mới – nhà nước của dân, do dân, vì dân, đưa những người lao động Việt Nam từ thân phận nô lệ lên làm chủ đất nước. Nhà nước này đảm bảo quyền lợi cho toàn thể nhân dân nên tính dân chủ của nhà nước được thể hiện rất rõ. | (0,25) |
| + Với các dẫn chứng trên đã chứng tỏ Cách mạng tháng Tám là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, chịu tác động của khuynh hướng vô sản, hướng phát triển là đi lên chủ nghĩa xã hội. | (0,25) |
| **Câu 6** | **Hãy làm sáng tỏ sự chủ động của Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc giải quyết mối quan hệ với Pháp từ 2/9/1945 – 19/12/1946. Tinh thần chủ động ấy nên được tiếp tục kế thừa và phát huy như thế nào trong tình hình hiện nay?** | (**3,0)** |
| **a,Sự chủ động** | -Chủ động tiến hành kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ…. | (0,25) |
| -Chủ động đàm phán với Pháp…. | (0,25) |
| -Chủ động phát động toàn quốc kháng chiến…. | (0,25) |
| -Mềm dẻo sách lược, cứng rắn về nguyên tắc trên tư tưởng hòa bình…. | (0,25) |
| -Hiệp định sơ bộ là ta chấp nhận mất không gian để lấy thời gian…. | (0,25) |
| -Chuẩn bị lực lượng cho một cuộc kháng chiến lâu dài: hậu phương, chính quyền, kinh tế, tài chính, văn hóa-giáo dục, đoàn kết lực lượng….. | (0,25) |
| -Chủ động phát động phát động kháng chiến toàn quốc: VN không chủ động khơi mào chiến tranh, ta chỉ đứng lên kháng chiến khi rơi vào tình thế bắt buộc… | (0,25) |
| **b,**  **Liên hệ** | -Hiện nay VN đang thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh quốc tế toàn cầu hóa, quan hệ quốc tế có nhiều thay đổi, chồng chéo. Vì thế sự chủ động của Đảng, Nhà nước để phù hợp và thích nghi với thời cuộc cần được phát huy. Tính chủ động hiện nay được thể hiện qua: | (0,25) |
| -ĐCSVN chủ động thực hiện đường lối đổi mới đất nước. Sự kiện này có ý nghĩa sống còn đối với CNXH ở VN. | (0,25) |
| -VN chủ động phá thế bao vây cô lập để từng bước hội nhập khu vực và TG: những năm 80-90 VN đã giải quyết được 3 mối quan hệ theo chiều hướng tích cực đó là Mỹ bình thường hóa quan hệ với VN; giải quyết được vấn đề CPC; quan hệ VN với các nước trong khu vực chuyển sang đối thoại; bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.. | (0,5) |
| -VN chủ động giải quyết tranh chấp vấn đề biên giới hải đảo bằng phương pháp đấu tranh ngoại giao hòa bình. VN chủ động thiết lập các mối quan hệ song phương, đa phương. | (0,25) |
| **Câu 7** | **Tại sao nói: Toàn cầu hóa là xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược. Những thời cơ, thách thức của Việt Nam trong xu thế này?** | **(2,5)** |
| **a,Toàn cầu hóa là xu thế khách quan, là một thực tế khống thể đảo ngược** | + Bắt nguồn từ yêu cầu của sản xuất và đời sống, cuộc cách mạng khoa học-công nghệ diễn ra trên quy mô lớn…, với tốc độ nhanh và đạt được những thành tựu kì diệu, làm cho nền kinh tế thế giới và sự giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các nước và khu vực trên thế giới ngày càng mang tính quốc tế hóa cao, mở ra khả năng hợp tác toàn cầu trên mọi lĩnh vực. | (0,5) |
| + Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ, lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, tạo những thay đổi lớn về kinh tế, xã hội, hình thành một thị trường thế giới, làm tăng tính phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc. | (0,5) |
| + Hàng loạt vấn đề như sự gia tăng dân số thế giới, tình trạng ô nhiễm môi trường, sự biến đổi khí hậu, sự vơi cạn các nguồn năng lượng và nguyên liệu tự nhiên, kho vũ khí hủy diệt, bệnh tật hiểm nghèo, tai nạn lao động, tai nạn giao thông… đòi hỏi sự hợp tác toàn cầu để giải quyết. | (0,5) |
| + Toàn cầu hóa làm nảy sinh nhu cầu hội nhập quốc tế của tất cả các quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế, nước lớn hay nước nhỏ, giàu hay nghèo…  Chính vì thế toàn cầu hóa là xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược. | (0,25)  (0,25) |
| **b**,  **Những thời cơ, thách thức củaVN** | + Thời cơ của Việt Nam: tạo điều kiện thúc đẩy rất mạnh, rất nhanh sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao, tạo điều kiện cho hội nhập kinh tế quốc tế, đặt ra yêu cầu cải cách sâu rộng nền kinh tế, tạo cơ hội tiếp cận, tiếp thu những tiến bộ của khoa học-công nghệ tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội giao lưu văn hóa… | (0,25) |
| + Thách thức: nguy cơ tụt hậu xa về kinh tế, nạn thất nghiệp và thiếu việc làm  sự phân hoá giàu nghèo, tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự, sự lo ngại về khả năng đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc, nguy cơ xâm phạm độc lập tự chủ…. | (0,25) |